TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 21/5/2026
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Cường .

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hảo

Bà Vi Thị Xoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 - N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - N tham gia phiên toà: Ông Đinh Ngọc Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - tỉnh N đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 68/2026/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hồng L, sinh năm 2003 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 2, xã Đ, tỉnh P

2. Bị đơn: Anh Ốc Văn C , sinh năm 2003 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Bản S, xã Y, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2026 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị L trình bày:

Tình cảm: Chị Trần Thị Hồng L và anh Ốc Văn C sau một thời gian có tìm hiểu nhau thì kết hôn với nhau tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh P (nay là xã Đ, tỉnh P) vào ngày 30/10/2023, số 15 trên tinh thần tự nguyện, không bị ai

ép buộc. Sau khi kết hôn thời gian đầu chị L và C chung sống rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2024, nguyên Nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chồng đánh đập chị L, vợ chồng không còn tiếng nói chung, do không chịu đựng được cuộc sống hôn nhân như vậy nên chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại xã Đ, tỉnh P sinh sống cho đến nay, từ khi mâu thuẫn xảy ra chị L và C sống ly thân nhau, chưa gặp lại nhau lần nào, cũng không liên lạc với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị L có nguyện vọng ly hôn để ổn định cuộc sống và công việc.

Con chung: Chị Trần Thị Hồng L và anh Ốc Văn C có 02 con chung tên cháu là cháu K, sinh ngày 16/10/2020 và cháu K, sinh ngày 24/11/2022. Hiện hai cháu đang sống cùng bà Nội tại bản S, xã Y, tỉnh N, trong thời gian này chị L vẫn thỉnh thoảng có về thăm hai con chung, hơn nữa hàng tháng chị L đều gửi tiền sinh hoạt, nuôi dưỡng hai con cho bà M (là mẹ đẻ C). Chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng K và K cho đến khi trưởng thành

Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu C cấp dưỡng tiền nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/4/2026 bị đơn anh Ốc Văn C trình bày:

Quan hệ hôn nhân: C và chị L tìm hiểu nhau được một thời gian thì hai bên tự nguyện kết hôn vào năm 2023, có đăng kí kết hôn tại ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh P (nay là xã Đ, tỉnh P) vào ngày 30/10/2023. Sau kết hôn vợ chồng sống rất hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, do C và chị L thường xuyên cãi nhau, vợ chồng tính tình không hợp, chị L đã bỏ nhà về nhà mẹ đẻ tại tỉnh P từ năm 2024 cho đến nay vợ chồng sống ly thân cũng không liên lạc với nhau, sống xa nhau và cũng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị L làm đơn yêu cầu ly hôn với C thì C cũng đồng ý vì nhận thấy không còn tình cảm với chị L nữa nên không đồng ý ly hôn với chị L .

Con chung: C và chị L có 02 con chung tên cháu K, sinh ngày 16/10/2020 và cháu K, sinh ngày 24/11/2022. Hiện hai cháu đang sống cùng bà nội tại bản S, xã Y, tỉnh N. C có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: C không yêu cầu Tòa án giải quyết

Qua kết quả xác minh tại Công an xã Y, tỉnh N ngày 21/4/2026, anh Ốc Văn C có hộ khẩu thường trú tại bản S, xã Y, tỉnh N; và Công văn trả lời số 660/UBND-TP ngày 06/5/2026 của Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh P thì chị Trần Thị Hồng L kết hôn cùng anh Ốc Văn C, thường trú tại bản S, xã Y, tỉnh N và hai con chung là cháu K, sinh ngày 16/10/2020 và cháu K, sinh ngày

24/11/2022. Anh Ốc Văn C hiện đi làm ăn xa ở tỉnh Hải Phòng, thỉnh thoảng có trở về địa phương và thường xuyên liên lạc với gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đối với bị đơn anh Ốc Văn C theo quy định của pháp luật để bảo đảm quyền và nghĩa vụ của bị đơn nhưng C đều vắng mặt. Giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, do sự vắng mặt của C nên phiên họp không tiến hành hòa giải được, C có đơn xin giải quyết vắng mặt tại các phiên họp hòa giải cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại các phiên tòa xét xử vụ án. Chị L có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với C. Kết thúc phiên họp Tòa án đã tống đạt hợp lệ kết quả cho anh Ốc Văn C, C đã nhận được thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng không có ý kiến phản hồi bằng văn bản gì nữa nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - N tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, tống đạt văn bản, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và tại phiên tòa hôm nay được khai mạc đúng thời gian, địa điểm, phiên tòa được xét xử trực tiếp bằng lời nói và liên tục; thủ tục phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Ốc Văn C mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt để giải quyết vụ án, C đã viết bản tự khai trình bày ý kiến, nguyện vọng về các mối quan hệ hôn nhân và gia đình giữa C và chị L và có đơn xin được giải quyết vắng mặt trong các buổi hòa giải và các phiên tòa được diễn ra, do đó C đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn chị Trần Thị Hồng L cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân cho chị Trần Thị Hồng L được ly hôn với anh Ốc Văn C ; Con chung giao hai con chung cháu K, sinh ngày 16/10/2020 và cháu K, sinh ngày 24/11/2022 cho chị Trần Thị Hồng L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Ốc Văn C; tài sản chung, nợ chung chị L và C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Án phí chị Trần Thị Hồng L chịu Toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng và các lời khai của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh Ốc Văn C có hộ khẩu thường trú tại bản S, xã Y, tỉnh N. Căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Trần Thị Hồng L và bị đơn anh Ốc Văn C thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 11 - N.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng L và anh Ốc Văn C kết hôn với nhau vào năm 2023 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh P (nay là xã Đ, tỉnh P) vào ngày 30/10/2023 vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy trước khi đăng ký kết hôn cả hai đều chưa đủ 18 tuổi, chị L và C vẫn chung sống với nhau như vợ chồng cho đến khi ly thân nhau, nhưng nay chị L có yêu cầu giải quyết ly hôn thì chị L và C đã đủ tuổi đăng ký kết hôn, chị L có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Nội dung:

[3.1] Tình cảm: Chị Trần Thị Hồng L và anh Ốc Văn C thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, hai người đã không sống chung với nhau một thời gian dài từ năm 2024 đến nay, điều đó phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Trần Thị Hồng L và anh Ốc Văn C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Hồng L là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Con chung: Chị Trần Thị Hồng L và anh Ốc Văn C có 02 con chung là cháu hai con chung cháu K, sinh ngày 16/10/2020 và cháu K, sinh ngày 24/11/2022, hiện hai cháu đang sống cùng bà Mai (mẹ đẻ C) tại bản S, xã Y, tỉnh N. Thời gian ly thân với C, chị L vẫn về thăm hai con, hàng tháng vẫn gửi chi phí sinh hoạt cho bà Mai chăm sóc, nuôi dưỡng hai con. Nay chị L có công việc ổn định lại gần nhà nên có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu C cấp dưỡng nuôi con. Xét

nguyện vọng của chị L và anh Ốc Văn C hiện đang đi làm ăn xa tại tỉnh Hải Phòng, do tính chất công việc không được nghỉ lâu dài, thường xuYên Nên C thỉnh thoảng mới về địa phương nên không thể đảm bảo điều kiện về mọi mặt trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung được, vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3.3] Tài sản chung, nợ chung: Chị L và C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các đương sự có quyền yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung sau ly hôn. Khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3.4] Án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, và Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hồng L

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Hồng L được ly hôn với anh Ốc Văn C .

2. Con chung: Giao con chung của nguyên đơn và bị đơn là cháu K, sinh ngày 16/10/2020 và cháu K, sinh ngày 24/11/2022 cho chị Trần Thị Hồng L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Hồng L về việc không yêu cầu anh Ốc Văn C cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Ốc Văn C ;

Anh Ốc Văn C có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Để đảm bảo các quyền lợi của con, trường hợp có lý do chính đáng có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một bên hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Hồng L và anh Ốc Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các đương sự có quyền yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung sau ly hôn. Khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Án phí: Buộc chị Trần Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002899 ngày 20/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh N.

5. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh N trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND khu vực 11;
- THADS tỉnh N;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, P;
- Lưu Vp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Văn Cường